

SỞ NỘI VỤ TỈNH SÓC TRĂNG	
ĐIỂN	Số: 2086
	Ngày: 01/3/2019
Chuyển:	8
Lưu hồ sơ số:	

## BÁO CÁO

### Tình hình thực hiện cải cách hành chính quý I và kế hoạch cải cách hành chính quý II năm 2019

Căn cứ Kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh Sóc Trăng về thực hiện cải cách hành chính năm 2019.

Căn cứ Kế hoạch số 09/KH-SNN ngày 21/01/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT về thực hiện cải cách hành chính năm 2019.

Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo tình hình thực hiện cải cách hành chính (CCHC) quý I và kế hoạch quý II năm 2019.

#### I. Tình hình tổ chức thực hiện văn bản chỉ đạo điều hành CCHC

1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao tại các kế hoạch, chương trình, đề án về CCHC của tỉnh

a. Các nhiệm vụ được giao (tại Kế hoạch số 128/KH-UBND giao cho các sở, ngành chủ trì)

**Nhiệm vụ 1:** Xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực của Sở Nông nghiệp và PTNT.

**Nhiệm vụ 2:** Sắp xếp tổ chức và ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của các cơ quan chuyên môn thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT.

**Nhiệm vụ 3:** Tiếp tục triển khai đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị định 56/2015/NĐ-CP và Nghị định 88/2017/NĐ-CP.

**Nhiệm vụ 4:** Triển khai thực hiện Bản Cam kết cải cách thủ tục hành chính đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp.

#### b. Báo cáo tiến độ thực hiện các nhiệm vụ được giao

**Nhiệm vụ 1:** Căn cứ Công văn số 31/UBND-TH ngày 05/01/2019 của Văn phòng UBND tỉnh về việc chuẩn bị nội dung trình HĐND tỉnh kỳ họp thứ 13, Sở Nông nghiệp và PTNT được giao tham mưu trình 02 Nghị quyết. Đến nay, Sở Nông nghiệp và PTNT đã gửi dự thảo lấy ý kiến góp ý của các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan; đang tổng hợp các ý kiến góp ý.

**Nhiệm vụ 2:** Sở Nông nghiệp và PTNT đã xây dựng Đề án số 02/ĐA-SNN ngày 23/10/2018 Sắp xếp tổ chức bộ máy của Sở Nông nghiệp và PTNT theo Đề án tổng thể số 08-ĐA/TU ngày 24/8/2018 của BCH Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng, gửi Sở Nội vụ. Tuy nhiên, hiện nay tỉnh đang đợi hướng dẫn của Trung ương.

**Nhiệm vụ 3:** Hàng năm, Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị định 56/2015/NĐ-CP và Nghị định 88/2017/NĐ-CP. Đối với năm 2019 sẽ thực hiện vào cuối năm 2019.

**Nhiệm vụ 4:** Tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung Bản Cam kết cải cách thủ tục hành chính đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp.

## **2. Kết quả thực hiện công tác CCHC tại Sở Nông nghiệp và PTNT**

### **a. Các văn bản, kế hoạch đã ban hành:**

- Kế hoạch số 03/KH-SNN ngày 08/01/2019 triển khai nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính của Sở Nông nghiệp và PTNT Sóc Trăng năm 2019, gồm 18 nhiệm vụ.

- Kế hoạch số 09/KH-SNN ngày 21/01/2019 về thực hiện cải cách hành chính năm 2019 để tổ chức thực hiện, gồm có 19 nhiệm vụ.

- Kế hoạch số 11/KH-SNN ngày 24/01/2019 về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT Sóc Trăng.

- Kế hoạch số 32/KH-SNN ngày 27/02/2019 về Thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật của Sở Nông nghiệp và PTNT năm 2019.

- Kế hoạch số 33/KH-SNN ngày 27/02/2019 về Tuyên truyền cải cách hành chính năm 2019 để tổ chức thực hiện, gồm 11 nội dung (kể cả nội dung thành phần).

- Kế hoạch số 34/KH-SNN ngày 27/02/2019 về Ứng dụng công nghệ thông tin năm 2019.

- Báo cáo số 537/BC-SNN ngày 27/12/2018 Kết quả triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001 năm 2018 và Kế hoạch thực hiện năm 2019.

- Công văn số 232/SNN-VP ngày 18/02/2019 về việc triển khai thực hiện các tiêu chí để nâng cao Chỉ số cải cách hành chính của Sở.

- Công văn số 252/SNN-VP ngày 19/02/2019 về việc triển khai, phổ biến kế hoạch cải cách hành chính của UBND tỉnh Sóc Trăng, năm 2019.

### **b. Kết quả thực hiện**

- Kế hoạch số 03/KH-SNN: Đã và đang tổ chức thực hiện 06/18 nhiệm vụ kế hoạch đề ra.

- Kế hoạch số 09/KH-SNN: Đã và đang triển khai thực hiện 09/19 nhiệm vụ đề ra, gồm Lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của ngành trong năm 2019; đã ban hành Kế hoạch số 03/KH-SNN về kiểm soát thủ tục hành chính; Kế hoạch số 11/KH-SNN về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2019; Kế hoạch số 32/KH-SNN Thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2019; Kế hoạch số 34/KH-SNN ứng dụng công nghệ thông tin năm 2019; Kế hoạch duy trì áp dụng và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015; xây dựng

kế hoạch số 09/KH-SNN Thực hiện CCHC năm 2019; Kế hoạch 33/KH-SNN tuyên truyền CCHC năm 2019.

- Kế hoạch số 33/KH-SNN: Đã và đang thực hiện 02/11 nội dung, gồm tuyên truyền các Kế hoạch của tỉnh và của Sở, và cập nhật đầy đủ các quyết định công bố thủ tục hành chính lên cổng thông tin và lên Chương trình Một cửa điện tử.

- Báo cáo số 537/BC-SNN: Đã ban hành Mục tiêu chất lượng năm 2019, Kế hoạch đánh giá nội bộ năm 2019, tiếp tục triển khai thực hiện các quy trình đã ban hành.

- Các Kế hoạch còn lại đang tổ chức thực hiện.

## **II. Kết quả chủ yếu đạt được**

### **1. Kết quả thực hiện CCHC của tỉnh**

Phối hợp với các Sở ngành của tỉnh để thực hiện các nhiệm vụ CCHC của tỉnh thuộc lĩnh vực ngành Nông nghiệp và PTNT.

### **2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC của Sở.**

#### **a. Báo cáo thông tin**

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Họ tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Email/điện thoại</b>
1	Lãnh đạo phụ trách CCHC	Lương Minh Quyết	Giám đốc	ĐT: 0913.109.553 Email: <a href="mailto:lmquyet@soctrang.gov.vn">lmquyet@soctrang.gov.vn</a>
2	Công chức phụ trách tham mưu CCHC	Lê Thị Kim Nhung	Phó Chánh Văn phòng	ĐT: 0946.155.778 Email: <a href="mailto:ltknhung@socstrang.gov.vn">ltknhung@socstrang.gov.vn</a>
3	Công chức phụ trách tham mưu CNTT	Lâm Nhu An	Công chức Văn phòng	ĐT: 0937.660.993 Email: <a href="mailto:lnan2@soctrang.gov.vn">lnan2@soctrang.gov.vn</a>
4	Công chức phụ trách Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	1. Võ Hoàng Đan 2. Hồ Thị Kim Thanh	Chi cục Thủy sản Chi cục Chăn nuôi và Thú y	ĐT: 0947.617.495 Email: <a href="mailto:vhdan@soctrang.gov.vn">vhdan@soctrang.gov.vn</a> ĐT: 0909.186.802

#### **b. Tóm tắt kết quả nổi bật**

##### **b.1. Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật**

Căn cứ Công văn số 31/UBND-TH ngày 05/01/2019 của Văn phòng UBND tỉnh về việc chuẩn bị nội dung trình HĐND tỉnh kỳ họp thứ 13, Sở Nông nghiệp và PTNT được giao tham mưu trình 02 Nghị quyết: Nghị quyết ban hành quy định một số chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn, và Nghị quyết ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018-2023. Đến nay, Sở Nông nghiệp và PTNT đang tổng hợp ý kiến đóng góp cho dự thảo 02 nghị quyết trên.

## **b.2. Cải cách thủ tục hành chính**

- Đã ban hành Kế hoạch số 03/KH-SNN ngày triển khai nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính của Sở Nông nghiệp và PTNT Sóc Trăng năm 2019, và đang triển khai thực hiện theo Kế hoạch.

- Đã tham mưu trình UBND tỉnh công bố 05 Quyết định công bố thủ tục hành chính (TTHC) thuộc lĩnh vực giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT, trong đó ban hành mới 19 thủ tục, sửa đổi 09 thủ tục, và hủy bỏ 10 thủ tục (Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 11/01/2019, Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 11/01/2019, Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 24/01/2019, Quyết định 206/QĐ-UBND ngày 24/01/2019 và Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 21/02/2019). Tổng số TTHC hiện có là 106, đã niêm yết công khai và đăng lên cổng thông tin, chương trình một cửa điện tử của tỉnh.

## **b.3. Cải cách tổ chức bộ máy**

- Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành văn bản hướng dẫn nhiệm vụ của Trung tâm dịch vụ nông nghiệp cấp huyện ở lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y, Trồng trọt và Bảo vệ thực vật và Khuyến nông (Công văn số 2519/SNN-TCCB ngày 05/12/2018).

- Quyết định ban hành Quy định mới về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Cảng cá Trần Đề tỉnh Sóc Trăng (Quyết định số 47/QĐ-SNN ngày 14/02/2019).

- Đề án Sắp xếp tổ chức, bộ máy của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo Đề án tổng thể số 08-ĐA/TU ngày 24/8/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng đã trình cơ quan thẩm quyền đang chờ phê duyệt.

**b4. Thực hiện phân cấp quản lý:** Tiếp tục thực hiện phân cấp quản lý theo quy định.

## **b.5. Nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức**

- Đang thực hiện việc xây dựng Kế hoạch (Đề án) tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III đối với viên chức của Chi cục Chăn nuôi và Thú y, viên chức của Chi cục trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

- Cơ quan thẩm quyền bổ nhiệm công chức ngạch cán sự lên chuyên viên 11 đồng chí, Kiểm lâm viên 6 đồng chí và có 8 đồng chí trúng tuyển từ ngạch chuyên viên lên chuyên viên chính.

- Đang thực hiện rà soát quy hoạch cán bộ công chức giai đoạn 2016-2021 và 2021-2026.

## **b.6. Cải cách tài chính công**

Cơ quan Sở và các đơn vị trực thuộc tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định 117/2013/NĐ-CP.

Các đơn vị sự nghiệp tiếp tục thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP và Nghị định số 141/2016 của Chính phủ.

### **b.7. Hiện đại hóa nền hành chính nhà nước**

- Xây dựng Kế hoạch số 34/KH-SNN ngày 27/02/2019 về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Sở nông nghiệp và PTNT năm 2019 để triển khai thực hiện.

- Tiếp tục áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2015 tại cơ quan Sở và 07 chi cục quản lý nhà nước trực thuộc. Đã ban hành Mục tiêu chất lượng năm 2019, kế hoạch đánh giá nội bộ năm 2019 và thực hiện theo các quy trình đã ban hành.

### **b.8. Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông**

Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT là 106, trong đó 102 TTHC được tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh, 03 TTHC lĩnh vực thú y được tiếp nhận tại các trạm kiểm dịch, và 01 TTHC (Xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác) được tiếp nhận tại Cảng cá Trần Đề. Sở Nông nghiệp và PTNT đã cử 02 công chức, viên chức sang làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Tổng số hồ sơ yêu cầu giải quyết TTHC trong kỳ báo cáo là 1952 hồ sơ. Kết quả đã giải quyết TTHC: Số hồ sơ đã giải quyết 1929 hồ sơ (trong đó: số hồ sơ giải quyết đúng hạn: 1929 hồ sơ, trễ hạn 0 hồ sơ); số hồ sơ đang giải quyết: 23 hồ sơ (còn trong hạn). Trong đó có 08 hồ sơ đơn vị nhận hồ sơ, Bưu điện trả kết quả; và 01 hồ sơ Bưu điện nhận hồ sơ, đơn vị trả kết quả; chưa phát sinh hồ sơ TTHC trực tuyến mức độ 3.

### **b.9. Tình hình thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg và Chỉ thị số 10/CT-CTUBND**

- Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 71/KH-SNN ngày 25/11/2016 của Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước.

- Tiếp tục lồng ghép việc thực hiện Chỉ thị số 10/CT-CTUBND ngày 28/12/2012 và Chỉ thị số 26/CT-TTg trong việc đăng ký chuyên đề học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh đối với Đảng viên và toàn thể đoàn viên công đoàn, trong năm 2019.

- Tiếp tục ban hành các mục tiêu chất lượng năm 2019 theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001-2015 với mục tiêu thực hiện tốt 02 Chỉ thị trên và Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 18/9/2017 của UBND tỉnh.

- Thường xuyên nhắc nhở lãnh đạo đơn vị, phòng chức năng trong các cuộc họp giao ban hàng tuần, họp định kỳ tháng, quý, họp chi bộ trong việc chỉ đạo, kiểm tra công chức, viên chức trong việc chấp hành nghiêm 02 Chỉ thị nêu trên và trong việc thực hiện tốt, kịp thời các văn bản kết luận, chỉ đạo, các nhiệm vụ được Tỉnh ủy, UBND tỉnh giao.

- Trong kỳ không có phát sinh phản ánh, kiến nghị liên quan đến công chức, viên chức giải quyết thủ tục hành chính, cũng như giải quyết công việc của Sở.

Công chức, viên chức bộ phận một cửa hướng dẫn tận tình, chu đáo cho các cá nhân đến thực hiện TTHC.

#### **IV. Phương hướng công tác quý II năm 2019:**

##### **1. Công tác chỉ đạo, điều hành, tuyên truyền về cải cách hành chính**

- Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch CCHC năm 2019, Kế hoạch tuyên truyền CCHC và ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính và công tác nội vụ năm 2019.

- Triển khai đầy đủ các văn bản chỉ đạo, điều hành, các kế hoạch, quyết định về cải cách hành chính của tỉnh, Sở đến đơn vị, công chức, viên chức của ngành.

##### **2. Thực hiện công tác CCHC**

###### **2.1. Về cải cách thể chế:**

- Trình Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân thông qua 02 Nghị quyết trong kỳ họp lần thứ 13 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Ban hành kế hoạch kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực của ngành; tổ chức thực hiện đầy đủ văn bản quy phạm pháp luật do Trung ương ban hành.

###### **2.2. Công tác cải cách thủ tục hành chính**

- Tiếp tục công tác rà soát thủ tục hành chính, trình UBND tỉnh công bố, sửa đổi, bổ sung các thủ tục hành chính.

- Xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính gửi Trung tâm Dịch vụ hành chính công của tỉnh góp ý trình UBND tỉnh ban hành.

- Thực hiện tốt Bản cam kết trách nhiệm của người đứng đầu trong cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh Sóc Trăng từ nay đến năm 2020.

###### **2.3. Cải cách tổ chức bộ máy**

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ hiện nay.

- Về phân cấp quản lý: Xây dựng Kế hoạch kiểm tra việc phân cấp quản lý trên địa bàn cấp huyện, và tổ chức thực hiện.

- Tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III đối với chức của Chi cục Chăn nuôi và Thú y, viên chức của Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật.

- Xây dựng Kế hoạch tuyển dụng viên chức năm 2019.

###### **2.4. Nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức của ngành**

- Cử công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, chính trị theo quy hoạch và đề nghị của các đơn vị.

- Xây dựng kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác, tinh giản biên chế;

- Nâng lương thường xuyên cho đối tượng đến hạn, chính sách liên quan đến công chức, viên chức.

###### **2.5. Về cải cách tài chính công**

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định 117/2013/NĐ-CP, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP và Nghị định số 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ tại cơ quan Sở và các đơn vị trực thuộc.

## **2.6. Hiện đại hóa nền hành chính nhà nước**

Thực hiện các nội dung Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin năm 2019 của Sở.

Thực hiện tốt việc duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, đặc biệt là trong việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính. Công bố lại hệ thống do có sự thay đổi thủ tục hành chính.

## **2.7. Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông**

Phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh trong việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Trung tâm Dịch vụ hành chính công của tỉnh, đảm bảo việc giải quyết TTHC đúng thời gian và cập nhật đầy đủ lên Chương trình một cửa điện tử.

## **2.8. Thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg và Chỉ thị số 10/CT-CTUBND**

- Thường xuyên nhắc nhở lãnh đạo đơn vị, phòng chức năng trong các cuộc họp giao ban hàng tuần, họp định kỳ tháng, quý, họp chi bộ trong việc chỉ đạo, kiểm tra công chức, viên chức trong việc chấp hành nghiêm 02 Chỉ thị nêu trên và trong việc thực hiện tốt, kịp thời các văn bản kết luận, chỉ đạo, các nhiệm vụ được Tỉnh ủy, UBND tỉnh giao.

- Nhắc nhở công chức, viên chức giải quyết thủ tục hành chính hướng dẫn tận tình, chu đáo cho các cá nhân đến thực hiện TTHC, giải quyết trước và đúng hạn, nhằm mang đến sự hài lòng của tổ chức, cá nhân.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện cải cách hành chính quý I và kế hoạch quý II năm 2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Sóc Trăng./.

### **Nơi nhận:**

- Sở Nội vụ;
- BGD (để b/c);
- Các ĐV, phòng CN;
- Lưu: VT, VP.



**GIÁM ĐỐC**

*Lương Minh Quyết*



## Biểu mẫu 1B

### Thông kê số liệu về công tác kiểm tra thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính Sở Nông nghiệp và PTNT

(Kèm theo Báo cáo số 59 /BC-SNN, ngày 28 /02/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Nội dung thống kê <sup>1</sup>	Số đơn vị kiểm tra tổng số cơ quan, đơn vị		Số vấn đề đã phát hiện qua kiểm tra	Số vấn đề phát hiện đã được xử lý	Số vấn đề chưa xử lý xong từ kỳ trước đã được xử lý
		Phòng ban	Đơn vị trực thuộc/ cấp huyện			
1	Kiểm tra công tác CCHC	0	19			
2	Kiểm tra về thực hiện nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước	0	11			
3	Kiểm tra thực hiện việc áp dụng Hệ thống chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001: 2015	0	7			
4	Kiểm tra việc theo dõi thi hành pháp luật và xử lý vi phạm hành chính	0	19			
5	Kiểm tra một số nội dung khác (theo dõi thi hành pháp luật,...)	0	19			





## Biểu mẫu 2B

### Thông kê số liệu về công tác xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật cấp tỉnh

(Kèm theo Báo cáo số 59/BC-SNN, ngày 28/10/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Nội dung thống kê	Tổng số	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Kết quả ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) của HĐND, UBND</b>		
-	Số VBQPPL đã được ban hành trong kỳ báo cáo	0	
-	Số VBQPPL được ban hành đúng tiến độ đã đề ra	-	
-	Số VBQPPL được ban hành đúng quy trình, thủ tục theo quy định	-	
<b>2</b>	<b>Kiểm tra, xử lý VBQPPL</b>		
-	Số văn bản đã kiểm tra theo thẩm quyền	0	
-	Số văn bản phát hiện trái pháp luật	-	
-	Số văn bản trái pháp luật đã được xử lý	-	
-	Số văn bản trái pháp luật chưa xử lý xong từ kỳ trước đã được xử lý trong kỳ báo cáo	-	
<b>3</b>	<b>Rà soát VBQPPL</b>		
-	Số VBQPPL phải rà soát trong kỳ báo cáo	0	
-	Số văn bản được đề nghị xử lý sau rà soát		
-	Số văn bản đã được xử lý sau rà soát		
-	Số VBQPPL chưa xử lý xong của kỳ báo cáo trước đã được xử lý		



## Biểu mẫu 3B

**Thông kê số liệu về công tác kiểm soát TTHC tại các đơn vị, địa phương**  
(Kèm theo Báo cáo số 59 /BC-SNN, ngày 28 /02/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Nội dung thống kê	Số liệu thống kê	Ghi chú
1	Kế hoạch rà soát TTHC	Có	KH số 03/KH-SNN ngày 08/01/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT
2	Số lượng TTHC đã công khai tại Bảng niêm yết TTHC <sup>2</sup>	106	
3	Số lượng TTHC đã đăng tải công khai trên Trang thông tin/Trang một cửa điện tử <sup>3</sup>	106	
4	Có thực hiện niêm yết địa chỉ tiếp nhận PAKN	Có	
5	Số lượng ý kiến đã tiếp nhận	Không	
6	Số lượng ý kiến đã giải quyết	Không	

<sup>2</sup> UBND cấp huyện báo cụ thể số lượng TTHC đã công khai tại Bảng niêm yết TTHC của cấp huyện và từng xã, phường, thị trấn

<sup>3</sup> UBND cấp huyện báo cụ thể số lượng TTHC đã đăng tải công khai của cấp huyện và từng xã, phường, thị trấn



## Biểu mẫu 4B

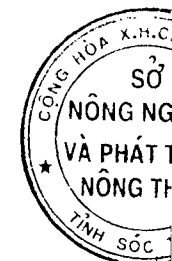
**Thông kê số liệu về số lượng TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT**

(Kèm theo Báo cáo số 59 /BC-SNN, ngày 28/10/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)		Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông		Ghi chú		
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định			Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định		Số TTHC liên thông ngang <sup>4</sup>	Số TTHC liên thông dọc <sup>5</sup>
<b>I</b>	<b>TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của cơ quan tỉnh</b>	<b>106</b>	<b>28</b>	<b>28</b>	<b>106</b>	<b>0</b>				
1	Lĩnh vực Bảo vệ thực vật	9			9					
2	Lĩnh vực Nông nghiệp	7	7	7	7			60/QĐ-UBND ngày 11/01/2019, 205/QĐ-UBND ngày 24/01/2019, 206/QĐ-UBND ngày 24/01/2019		

<sup>4</sup> Liên thông giữa các cơ quan hành chính cùng cấp trong giải quyết TTHC.

<sup>5</sup> Liên thông giữa các cấp hành chính khác nhau trong giải quyết TTHC.



STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang <sup>4</sup>	Số TTHC liên thông dọc <sup>5</sup>	
3	Lĩnh vực chăn nuôi	2				2				
4	Lĩnh vực thú y	18				18				
5	Lĩnh vực thủy lợi	16	16	16		16			430/QĐ-UBND ngày 21/02/2019	
6	Lĩnh vực lâm nghiệp	22				22				
7	Lĩnh vực thủy sản	21				21				
8	Lĩnh vực quản lý chất lượng NLS&TS	5	5	5		5			66/QĐ-UBND ngày 11/01/2019	
9	Lĩnh vực Phát triển nông thôn	5				5				
10	Lĩnh vực Diêm nghiệp	1				1				





## Biểu mẫu 5B

### Thống kê kết quả tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp Sở Nông nghiệp và PTNT

(Kèm theo Báo cáo số 59 /BC-SNN, ngày 28/02/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Cơ quan tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC	Số hồ sơ đã tiếp nhận			Kết quả giải quyết						Ghi chú	
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết				
			Số ký trước chuyên qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trà đúng hạn	Trà quá hạn <sup>6</sup>	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn <sup>7</sup>		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)=(7)+(8)	(7)	(8)	(9)=(10)+(11)	(10)	(11)	(12)	
1	<i>TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT, trong đó:</i>											
	Từ ngày 15/11/2018 đến 31/12/2018	692	16	676	692	692		0	0			
	Từ 01/01/2019 đến 25/02/2019	1260		1260	1237	1237		23	23			
<b>Tổng số</b>		<b>1952</b>	<b>16</b>	<b>1936</b>	<b>1929</b>	<b>1929</b>		<b>23</b>	<b>23</b>			

<sup>6</sup> Nêu rõ tại đây tên, lĩnh vực TTHC giải quyết trễ hạn và nguyên nhân trễ hạn

<sup>7</sup> Nêu rõ tại đây tên, lĩnh vực TTHC giải quyết trễ hạn và nguyên nhân trễ hạn



## Biểu mẫu 6B

### Thông kê số liệu về tổ chức bộ máy, biên chế hành chính tại Sở Nông nghiệp và PTNT

(Kèm theo Báo cáo số 59 /BC-SNN, ngày 28/02/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng phòng chuyên môn/đơn vị trực thuộc <sup>8</sup>		Số lượng lãnh đạo cấp sở/UBND cấp huyện				Số lượng lãnh đạo cấp phòng và tương đương/UBND cấp xã				Số lượng biên chế hành chính		Thực hiện tình gián biên chế		Ghi chú
		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại <sup>9</sup>		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại <sup>10</sup>		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Số lượng theo Kế hoạch năm	Đa tình gián	
			Đủ chuẩn		Thiếu chuẩn <sup>11</sup>	Đủ chuẩn	Thiếu chuẩn <sup>12</sup>									
<b>I</b>	<b>Cộng</b>	<b>87</b>		<b>4</b>		<b>4</b>		<b>49</b>	<b>+2</b>	<b>49</b>		<b>494</b>	<b>-8</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Cơ quan Sở NN-PTNT	6		4		4		14		14		48	-3			
2	12 đơn vị trực thuộc	81						35	+2	35		446	-5	0	0	

<sup>8</sup> Nêu lý do tăng, giảm (do sáp xếp, thành lập mới, giải thể,...)

<sup>9</sup> Thông kê chi tiết tại đây bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm mới, bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm lại

<sup>10</sup> Thông kê chi tiết tại đây bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm mới, bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm lại

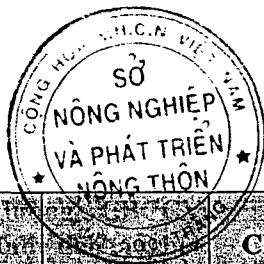
<sup>11</sup> Nêu rõ thiếu chuẩn nào

<sup>12</sup> Nêu rõ thiếu chuẩn nào

## Biểu mẫu 7B

### Thống kê số liệu về CBCCVC tại từng sở ban ngành, UBND cấp huyện

(Kèm theo Báo cáo số 59 /BC-SNN, ngày 28 /02/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT)



STT	Cơ quan, đơn vị	Số CBCCVC hiện có mặt		Số đạt chuẩn theo tiêu chuẩn chức danh, VTVL	Số lượng <sup>13</sup> CBCCVC được đào tạo, bồi dưỡng			Định kỳ chuyển đổi vị trí công tác		Tuyển dụng			Tình hình xử lý kỷ luật CBCCVC		Điều động, chuyển công tác CB CC VC <sup>14</sup>	Nâng lương theo thẩm quyền	
		Biên chế	HD chuyển môn		Đào tạo <sup>15</sup>	Bồi dưỡng nghiệp vụ <sup>16</sup>	Có KH tuyển dụng	Chỉ tiêu chuyển đổi theo quy định	Kết quả thực hiện	Có KH tuyển dụng	Kết quả tuyển dụng <sup>17</sup>	Không qua thi/tuyển đặc cách	Mức khiển trách	Từ mức cảnh cáo trở lên <sup>18</sup>		TX <sup>19</sup>	TH <sup>20</sup>
I	Các cơ quan tỉnh	476		476				20	0	0	0	0	0	0	8	46	
II	UBND cấp huyện																
III	UBND cấp xã <sup>21</sup>																

<sup>13</sup> Thống kê số lượng, không thống kê số lượt được đào tạo, bồi dưỡng

<sup>14</sup> Thống kê chi tiết tại đây

<sup>15</sup> Thống kê rõ tại đây có bao nhiêu CBCCVC được cử học tiến sĩ, thạc sĩ, CK1, CK2, đại học,...

<sup>16</sup> Thống kê rõ tại đây có bao nhiêu CBCCVC tham gia bồi dưỡng theo từng chuyên đề

<sup>17</sup> Thống kê đơn vị chấp hành quy định về tuyển dụng CC, VC/tổng số đơn vị thực hiện tuyển dụng

<sup>18</sup> Thống kê rõ tại đây bao nhiêu CBCCVC bị xử lý kỷ luật ở từng mức độ

<sup>19</sup> Thường xuyên

<sup>20</sup> Trước hạn

<sup>21</sup> UBND cấp huyện báo cáo cụ thể từng xã, phường, thị trấn thuộc quyền quản lý



## Biểu mẫu 8B

**Thông kê số liệu về triển khai chính sách cải cách công chức,  
công vụ tại các đơn vị, địa phương**  
(Kèm theo Báo cáo số 59 /BC-SNN, ngày 28/10/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Nội dung thống kê	Số lượng	Ghi chú
1	Số cơ quan hành chính đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của công chức	9	
2	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự (chưa tự chủ) đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	3	Đã trình Đề án, nhưng chưa được phê duyệt
3	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã phê duyệt danh mục vị trí việc làm của viên chức		
4	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức		
5	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	2	Tự chủ về tài chính





### Biểu mẫu 9B

**Thông kê số liệu về cải cách tài chính công tại sở ngành, UBND cấp huyện**  
 (Kèm theo Báo cáo số 59 /BC-SNN, ngày 28 /12/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Nội dung thống kê	Số lượng đơn vị		Ghi chú
		Tổng số	Tăng (+)/ giảm (-) so với năm trước	
1	Số cơ quan hành chính thuộc và trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý kinh phí hành chính	9		Cơ quan Sở, 07 Chi cục, Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới
2	Về số lượng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ.			
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư			
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên	2		Trung tâm Nước sạch và VSMTNT, Ban Quản lý Cảng cá Trần Đề
-	Số đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	2		Trung tâm Giống cây trồng, Trung tâm Giống vật nuôi
-	Số đơn vị được nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	1		Trung tâm Khuyến nông



## Biểu mẫu 10B

**Thông kê số liệu về kết quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước và trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại các sở, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện**  
(Kèm theo Báo cáo số 59 /BC-SNN, ngày 28/10/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Cơ quan, đơn vị	Trao đổi văn bản giữa các cơ quan hành chính nhà nước			Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3			Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4			Ghi chú		
		Tổng số văn bản đi	Trong đó		Tổng số TTHC đã cung cấp	Hồ sơ đã tiếp nhận		Tổng số TTHC đã cung cấp	Hồ sơ đã tiếp nhận				
			Số văn bản giấy	Số văn bản điện tử		Số văn bản phát hành VB giấy + điện tử	Tổng số		Tiếp nhận tại nơi giải quyết TTHC	Tiếp nhận qua mạng hoặc dịch vụ bưu chính		Tổng số	Tiếp nhận tại nơi giải quyết TTHC
I	Sở NN-PTNT	1270			1270	25	105	105	1	0			
II	UBND cấp huyện												
III	UBND cấp xã <sup>22</sup>												
<b>Tổng</b>		<b>1270</b>			<b>1270</b>	<b>25</b>	<b>105</b>	<b>105</b>	<b>1</b>				

<sup>22</sup> UBND cấp huyện báo cáo kết quả thực hiện chi tiết đối với từng xã, phường, thị trấn thuộc thẩm quyền quản lý



## Biểu mẫu 11B

**Thông kê số liệu về kết quả triển khai dịch vụ bưu chính công ích (BCCI) tại các đơn vị, địa phương**

(Kèm theo Báo cáo số 59 /BC-SNN, ngày 28 /02/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng TTHC đã công bố triển khai dịch vụ BCCI	Số lượng TTHC có phát sinh sử dụng dịch vụ BCCI trong kỳ báo cáo		Ghi chú
			Số TTHC tiếp nhận	Số TTHC trả kết quả	
<i>I</i>	<i>Sở NN-PTNT</i>	67	01	02	
<i>II</i>	<i>UBND cấp huyện</i>				
<i>III</i>	<i>UBND cấp xã<sup>23</sup></i>				
Tổng (I) + (II) + (III)					

<sup>23</sup> UBND cấp huyện báo cáo kết quả thực hiện chi tiết đối với từng xã, phường, thị trấn thuộc thẩm quyền quản lý



**Biểu mẫu 13B**

**Thông kê số liệu về xây dựng, áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001:2008 tại sở, ngành. UBND cấp huyện**  
*(Kèm theo Báo cáo số 59 /BC-SNN, ngày 28 /02/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT)*

STT	Nội dung thống kê	Số liệu thống kê	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Xây dựng, áp dụng và công bố hệ thống</b>		
1	Số đơn vị hành chính cấp xã đã công bố áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO		
2	Số đơn vị hành chính cấp xã thực hiện đúng quy định trong ISO		
<b>II</b>	<b>Duy trì, cải tiến hệ thống</b>		
1	Thực hiện công bố lại ISO	Không	
2	Thực hiện đánh giá nội bộ	Không	
3	Thực hiện xem xét của lãnh đạo đối với hệ thống quản lý chất lượng	Không	
4	Cập nhật các thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động xử lý công việc vào Hệ thống quản lý chất lượng	Có	
5	Nội dung khác		





**Biểu mẫu 14**

**Thông kê tình hình tiếp nhận và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo**  
 (Kèm theo Báo cáo số 39/BC-SNN, ngày 28/10/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Nội dung thông kê	Số lượng					Ghi chú <sup>24</sup>
		Tiếp nhận			Giải quyết đúng hạn theo quy định	Giải quyết trễ hạn	
		Tổng	Thuộc thẩm quyền	Không thuộc thẩm quyền giải quyết <sup>25</sup>			
I	Cấp tỉnh	0	0	0			
II	Cấp huyện						
III	Cấp xã <sup>26</sup>						

<sup>24</sup> Nêu rõ lý do giải quyết kéo dài hoặc chưa giải quyết

<sup>25</sup> Đã chuyển đơn đến cơ quan có thẩm quyền bao nhiêu trường hợp

<sup>26</sup> Cấp huyện báo cáo cụ thể đối với từng xã, phường, thị trấn